

CÔNG TY TNHH N-MILY
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH N-MILY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: N-MILY LIMITED COMPANY

Tên công ty viết tắt: N-MILY CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109637439

3. Ngày thành lập: 18/05/2021

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 145 đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0345678777

Fax:

Email: admin@n-mily.vn

Website: <https://www.n-mily.vn>

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Giặt là, làm sạch các sản phẩm dệt và lông thú	9620
2.	Cắt tóc, làm đầu, gội đầu	9631
3.	Hoạt động dịch vụ phục vụ cá nhân khác còn lại chưa được phân vào đâu	9639
4.	Dịch vụ tắm hơi, massage và các dịch vụ tăng cường sức khỏe tương tự (trừ hoạt động thể thao)	9610
5.	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321
6.	Hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu	9329
7.	Hoạt động của các cơ sở thể thao	9311
8.	Hoạt động của các câu lạc bộ thể thao Chi tiết: Hoạt động của Câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp	9312
9.	Hoạt động thể thao khác	9319
10.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
11.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
12.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
13.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Trừ hoạt động của các tổ chức Đảng, Đoàn thể; Dạy về tôn giáo	8559
14.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
15.	Giáo dục nhà trẻ	8511
16.	Giáo dục mẫu giáo	8512
17.	Giáo dục tiểu học	8521
18.	Giáo dục trung học cơ sở	8522
19.	Giáo dục trung học phổ thông	8523
20.	Cho thuê xe có động cơ	7710

21.	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
22.	Cho thuê băng, đĩa video	7722
23.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
24.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
25.	Hoạt động nhiếp ảnh Chi tiết: Trừ hoạt động của phóng viên ảnh	7420
26.	Quảng cáo	7310
27.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế công trình thủy lợi (Đăng ký theo điều 15 ND 67/2018/NĐ-CP) - Khảo sát địa hình; Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát địa chất thủy văn; Khảo sát hiện trạng công trình; Công việc khảo sát khác phục vụ hoạt động đầu tư xây dựng do người quyết định đầu tư quyết định (Đăng ký theo điều 73 Luật xây dựng 2014) - Thiết kế kiến trúc công trình; Thiết kế nội ngoại thất công trình; Thiết kế cảnh quan; Thiết kế kết cấu công trình; Thiết kế điện – cơ điện công trình – Thiết kế cấp – thoát nước; Thiết kế thông gió – cấp thoát nhiệt; Thiết kế mạng thông tin – liên lạc trong công trình xây dựng; Thiết kế phòng cháy chữa cháy - Thiết kế công trình dân dụng, công trình công nghiệp, công trình giao thông, công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn, công trình hạ tầng kỹ thuật (Đăng ký theo khoản 10 điều 3 của Luật xây dựng 2014)	7110
28.	Hoạt động của trụ sở văn phòng	7010
29.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
30.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý kinh doanh bất động sản và môi giới; - Trung gian trong việc mua, bán hoặc cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; - Sàn giao dịch bất động sản (Đăng ký theo quy định tại Điều 69 Luật Kinh doanh bất động sản 2014).	6820
31.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Mua, bán nhà ở và quyền sử dụng đất ở; Mua, bán nhà và quyền sử dụng đất không để ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất ở; Cho thuê, điều hành, quản lý nhà và đất không để ở; Kinh doanh bất động sản khác; (Đăng ký theo Luật Kinh doanh bất động sản 2014 và khoản 2 Điều 75 Luật Đầu tư 2020)	6810(Chính)
32.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet Chi tiết: trừ hoạt động đấu giá	4791
33.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: trừ hoạt động đấu giá	4799
34.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785

35.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
36.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
37.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
38.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
39.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
40.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh	4774
41.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Trừ súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; tem và tiền kim khí.	4773
42.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
43.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
44.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
45.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
46.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
47.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
48.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
49.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
50.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
51.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
52.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
53.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
54.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
55.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
56.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
57.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
58.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
59.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719

60.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
61.	Bán buôn tổng hợp	4690
62.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
63.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
64.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
65.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
66.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
67.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
68.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
69.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
70.	Sản xuất đường	1072
71.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
72.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
73.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
74.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
75.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
76.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
77.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
78.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
79.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702
80.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
81.	In ấn	1811
82.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
83.	Sao chép bản ghi các loại	1820
84.	Sản xuất hoá chất cơ bản	2011
85.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
86.	Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít Chi tiết: Sản xuất mực in	2022
87.	Xây dựng nhà để ở	4101
88.	Xây dựng nhà không để ở	4102
89.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
90.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
91.	Xây dựng công trình điện	4221
92.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
93.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223

94.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
95.	Xây dựng công trình thủy	4291
96.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
97.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
98.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
99.	Phá dỡ	4311
100.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
101.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
102.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
103.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
104.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
105.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
106.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4511
107.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống) Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4512
108.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4513
109.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
110.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4530
111.	Bán mô tô, xe máy Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4541
112.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
113.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy Chi tiết: Trừ hoạt động đấu giá	4543
114.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
115.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
116.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
117.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
118.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
119.	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương	5011
120.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
121.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
122.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
123.	Cơ sở lưu trú khác	5590
124.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

125.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
126.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
127.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

6. Vốn điều lệ: 10.000.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: _____ Giới tính: _____
 Sinh ngày: _____ Dân tộc: _____ Quốc tịch: _____
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: _____
 Ngày cấp: _____ Nơi cấp: _____
 Địa chỉ thường trú: _____
 Địa chỉ liên lạc: _____

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: CHU THỊ THÀNH _____ Giới tính: *Nữ*
 Chức danh: *Giám đốc*
 Sinh ngày: *19/03/1983* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*
 Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*
 Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *038183007179*
 Ngày cấp: *11/05/2017* Nơi cấp: *Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*
 Địa chỉ thường trú: *Phòng 1806, CT7C, Khu đô thị mới Dương Nội, Phường Dương Nội, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
 Địa chỉ liên lạc: *Số 136, 70/41 đường Ngọc Trục, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội